



Tháng 12/2025
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn



Nội dung

<u>1</u>	Công văn số 6043/CT-CS ngày 17/12/2025 do Cục Thuế ban hành về xác định lại số thuế TNCN đã phân bổ cho các tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính sau khi quyết toán thuế TNCN.	TNCN
<u>2</u>	Công văn số 6030/CT-CS ngày 16/12/2025 do Cục Thuế ban hành về hướng dẫn đăng ký người phụ thuộc khi giảm trừ gia cảnh và đăng ký mã số thuế mới cho cá nhân.	TNCN
<u>3</u>	Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025 ngày 10/12/2025 do Quốc hội thông qua quy định, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày 10/12/2025, tức dự kiến vào ngày 25/12/2025 sẽ có toàn văn Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025.	TNCN
<u>4</u>	Công văn số 6006/CT-CS ngày 15/12/2025 do Cục Thuế ban hành về chính sách thuế.	TNDN
<u>5</u>	Công văn số 2221/GLA-QLDN1 ngày 26/11/2025 do Thuế tỉnh Gia Lai ban hành về khấu trừ thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ quá hạn thanh toán.	GTGT
<u>6</u>	Công văn số 3441/QNG-QLDN1 ngày 05/12/2025 do Thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành về việc hướng dẫn hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với bán tài sản.	GTGT

Nội dung

<u>7</u>	Công văn số 6010/CT-CS ngày 15/12/2025 do Cục Thuế ban hành về chính sách thuế GTGT.	GTGT
<u>8</u>	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025, Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua.	GTGT
<u>9</u>	Công văn số 3129/QNG-QLDN1 ngày 21/11/2025 do Thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành hướng dẫn phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm.	GTGT
<u>10</u>	Công văn số 5615/CT-CS ngày 28/11/2025 do Bộ tài chính ban hành về mẫu tờ khai liên quan đến thực hiện nghị quyết số 98/2023/QH15 về việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành Phố.	Khác
<u>11</u>	Công văn số 37951/CHQ-GSQL ngày 24/11/2025 do Cục Hải Quan ban hành về hướng dẫn thủ tục hải quan.	Khác
<u>12</u>	Công văn số 1539/VLO-QLDN3 ngày 02/12/2025 do Thuế tỉnh Vĩnh Long ban hành về trả lãi tiền vay cho cổ đông.	Khác
<u>13</u>	Công văn số 3525/QNG-QLDN1 ngày 10/12/2025 do Thuế Tỉnh Quảng Ngãi ban hành về việc hướng dẫn chính sách thuế.	Khác

Nội dung

<u>14</u>	Công văn số 6307/CT-CS ngày 26/12/2025 do Cục Thuế ban hành về thu thuế đối với bán tài sản bảo đảm tiền vay.	Khác
<u>15</u>	Nghị định số 310/2025/NĐ-CP ngày 02/12/2025 do Chính Phủ ban hành sửa đổi bổ sung Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm thuế, hóa đơn.	HĐ
<u>16</u>	Công văn số 3322/TNI-QLDN2 ngày 03/12/2025 do Thuế tỉnh Tây Ninh ban hành về việc xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, chi phí, thuế GTGT dưới 5 triệu đồng dùng tiền mặt.	HĐ
<u>17</u>	Công văn số 8422/DON-QLDN1 ngày 16/12/2025 do Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành thông báo tạm thời chưa thực hiện công văn số 8073/DON-QLDN1 ngày 11/12/2025 về việc xuất hóa đơn đối với nghiệp vụ bán ngoại tệ cho ngân hàng.	HĐ
<u>18</u>	Luật Việc làm năm 2025 (Luật số 74/2025/QH15) ngày 16/6/2025 do Quốc hội thông qua quy định nhiều nội dung mới, trong đó có điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp, áp dụng từ ngày 01/01/2026.	LĐ
<u>19</u>	Nghị định số 337/2025/NĐ-CP ngày 24/12/2025 do Chính phủ ban hành về giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử.	LĐ

1 Xác định lại số thuế TNCN đã phân bổ cho các tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính sau khi quyết toán thuế TNCN

Công văn số 6043/CT-CS ngày 17/12/2025 do Cục Thuế ban hành về xác định lại số thuế TNCN đã phân bổ cho các tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính sau khi quyết toán thuế TNCN:

- Về nguyên tắc số thuế thu nhập cá nhân phải phân bổ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân; số thuế thu nhập cá nhân xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế TNCN và không xác định lại khi quyết toán thuế TNCN.
- Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật số 38/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15).
- Về khai thuế, tính thuế, phân bổ thuế TNCN và khai bổ sung hồ sơ thuế: hiện nay ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) đã đáp ứng theo yêu cầu nghiệp vụ.

2 Hướng dẫn đăng ký người phụ thuộc khi giảm trừ gia cảnh và đăng ký mã số thuế mới cho cá nhân

Công văn số 6030/CT-CS ngày 16/12/2025 do Cục Thuế ban hành về hướng dẫn đăng ký người phụ thuộc khi giảm trừ gia cảnh và đăng ký mã số thuế mới cho cá nhân:

1. Liên quan đến việc đăng ký mã số thuế mới và việc sử dụng số định danh cá nhân hay mã số thuế cũ:

Từ ngày 01/7/2025, doanh nghiệp đăng ký mã số thuế mới cho người lao động khi họ đổi mã số hoặc đăng ký mã số thuế mới cho nhân viên mới/người phụ thuộc chưa có mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC. Sau khi đăng ký thuế thành công (tức là thông tin thuế của cá nhân người nộp thuế đã được đồng bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), doanh nghiệp sử dụng số định danh cá nhân vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2 Hướng dẫn đăng ký người phụ thuộc khi giảm trừ gia cảnh và đăng ký mã số thuế mới cho cá nhân

2. Liên quan đến việc tự đăng ký MST người phụ thuộc khi thay đổi nơi làm việc:

- Người nộp thuế có thể tự đăng ký người phụ thuộc để được giảm trừ gia cảnh khi tính thuế TNCN trực tiếp với cơ quan thuế hoặc qua các cổng thông tin điện tử như:
 - + <https://dichvucong.gov.vn>;
 - + <https://dichvucong.gdt.gov.vn>;
 - + <https://thuedientu.gdt.gov.vn>;
- Người nộp thuế chỉ phải đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh cho mỗi một người phụ thuộc một lần trong suốt thời gian được tính giảm trừ gia cảnh (theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC). Tuy nhiên, khi thay đổi nơi làm việc, giữa các cơ quan chi trả thu nhập không có kết nối chia sẻ thông tin nên đơn vị làm việc mới sẽ không có cơ sở để tính giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc cho người nộp thuế. Người nộp thuế đăng ký lại người phụ thuộc để được tính giảm trừ gia cảnh ngay tại kỳ khai thuế trong năm ở nơi làm việc mới.

3 Một số quy định đáng chú ý của Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025

Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025 ngày 10/12/2025 do Quốc hội thông qua quy định, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày 10/12/2025, tức dự kiến vào ngày 25/12/2025 sẽ có toàn văn Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025:

1. Nâng ngưỡng doanh thu chịu thuế từ 200 triệu đồng/năm lên 500 triệu đồng/năm:

- Nâng ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế lên 500 triệu đồng/năm và cho trừ mức này trước khi tính thuế theo tỷ lệ trên doanh thu.
- Bổ sung phương pháp nộp thuế theo thu nhập thực tế (doanh thu trừ chi phí) với thuế suất 15% cho hộ/cá nhân có doanh thu trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng/năm.
- Cá nhân, hộ kinh doanh thuộc đối tượng trên được lựa chọn phương pháp tính thuế theo tỉ lệ trên doanh thu hoặc theo thu nhập.

3 Một số quy định đáng chú ý của Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025

2. Điều chỉnh biểu thuế TNCN lũy tiến từng phần từ 7 bậc xuống 5 bậc:

- Biểu thuế đã được chỉnh lý theo hướng giảm thuế suất ở một số bậc nhằm đảm bảo tính hợp lý, tránh tăng đột ngột và tạo động lực cho người lao động, cụ thể:
 - + Bậc 2: giảm từ 15% → 10%
 - + Bậc 3: giảm từ 25% → 20%
- Giảm trừ bậc chịu thuế tối thiểu theo tháng:
 - + Bậc 1: đến 10 triệu → 5%
 - + Bậc 2: trên 10–30 triệu → 10%
 - + Bậc 3: trên 30–60 triệu → 20%
 - + Bậc 4: trên 60–80 triệu → 30%
 - + Bậc 5: trên 80 triệu → 35%

3 Một số quy định đáng chú ý của Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025

3. Tăng mức giảm trừ gia cảnh:

- Giảm trừ cho bản thân người nộp thuế: 15,5 triệu đồng/tháng (tương đương 186 triệu đồng/năm).
- Giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc: 6,2 triệu đồng/tháng.

4. Thuế với chuyển nhượng vàng miếng:

- Áp thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần đối với vàng miếng.
- Chính phủ được giao quy định ngưỡng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng.

3 Một số quy định đáng chú ý của Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025

5. Thuế với hoạt động chuyển nhượng bất động sản:

- Mức thuế với hoạt động chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân với thuế suất là 2%.
- Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản.

6. Các ngưỡng chịu thuế của một số khoản thu nhập được nâng:

- Nhóm thu nhập tính theo ngưỡng mỗi lần phát sinh như: trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền, thừa kế, quà tặng...→ Nâng ngưỡng xác định thu nhập chịu thuế từ 10 triệu lên 20 triệu đồng/lần.

3 Một số quy định đáng chú ý của Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2025

7. Mở rộng hoặc làm rõ phạm vi thu nhập chịu thuế:

- Bổ sung các khoản mới như chuyển nhượng tên miền “.vn”, kết quả giảm phát thải, tín chỉ carbon, biển số ô tô trúng đấu giá, tài sản số, vàng miếng.

8. Đồng bộ với thuế GTGT cho hộ /cá nhân kinh doanh:

- Mức doanh thu không chịu thuế GTGT cũng được nâng tương ứng lên 500 triệu đồng/năm.

9. Hiệu lực thi hành:

- Luật có hiệu lực từ 01/7/2026.
- Riêng các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026.

4 Chính sách thuế về chi phí liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê đất

Công văn số 6006/CT-CS ngày 15/12/2025 do Cục Thuế ban hành về chính sách thuế:

- Trường hợp Công ty bị chia, tách đã được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì công ty sử dụng đất sau khi chia, tách được kế thừa các quyền, nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất của công ty bị chia, tách và có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.
- Về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): về nguyên tắc, các khoản chi của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu các khoản chi này liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Theo đó, trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi phí liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê đất có thời hạn nhưng giấy tờ chứng minh quyền thuê đất vẫn mang tên Công ty X thì các khoản chi liên quan đến việc trả tiền thuê đất nêu trên không đủ điều kiện để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

5 Khấu trừ thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ quá hạn thanh toán

Công văn số 2221/GLA-QLDN1 ngày 26/11/2025 do Thuế tỉnh Gia Lai ban hành về khấu trừ thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ quá hạn thanh toán:

Trường hợp đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, mà đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, Công ty không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì Công ty phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

6 Thuế GTGT đối với bán tài sản

Công văn số 3441/QNG-QLDN1 ngày 05/12/2025 do Thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành về việc hướng dẫn hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với bán tài sản:

- Trường hợp các tài sản gắn liền với đất được phép chuyển nhượng theo quy định của Luật đất đai số 31/2024/QH15, các tài sản này phục vụ trực tiếp cho các hoạt động theo mục tiêu dự án được Ban Quản lý Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp phép áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất và không phục vụ cho hoạt động khác không thuộc mục tiêu dự án được cấp phép trên thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện về hồ sơ, thủ tục quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư 69/2025/TT-BTC (trừ các trường hợp không được áp dụng thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

6 Thuế GTGT đối với bán tài sản

- Riêng đối với bán lại quyền cho thuê đất trong hợp đồng thuê đất: Trường hợp công ty được phép bán lại quyền cho thuê đất theo quy định của pháp luật thì hoạt động này không thuộc trường hợp áp dụng thuế suất 0%.
- Về nội dung tên tài sản thể hiện trên hóa đơn thì thực hiện theo quy định về tên hàng hóa, dịch vụ tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

7 Chính sách thuế GTGT đối với thanh toán trả chậm, trả góp hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên

Công văn số 6010/CT-CS ngày 15/12/2025 do Cục Thuế ban hành về chính sách thuế GTGT:

- Đối với thanh toán trả chậm, trả góp hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng.
- Trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

8 Những điểm mới Luật sửa đổi bổ sung Luật Thuế GTGT 2025

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025, Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua:

1. Bổ sung đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng vẫn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025 có sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 như sau:

- Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

8 Những điểm mới Luật sửa đổi bổ sung Luật Thuế GTGT 2025

2. Nâng ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT lên 500 triệu đồng đối với hộ, cá nhân kinh doanh:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025 có sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Quy định lại thuế suất GTGT đối với phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025 có sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 như sau:

- Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi trong quá trình sản xuất thì áp dụng mức thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu đó.

8 Những điểm mới Luật sửa đổi bổ sung Luật Thuế GTGT 2025

4. Bãi bỏ một số quy định:

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025 bãi bỏ khoản 3 Điều 12 và điểm c khoản 9 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 như sau:

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 về phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật Quản lý thuế 2019.
 - Bãi bỏ điểm c khoản 9 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 về hoàn thuế GTGT về điều kiện của cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế tại Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024: Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế.
- ❖ **Lưu ý: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng 2025 có hiệu lực từ ngày 01/1/2026.**

9 Hướng dẫn phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm

Công văn số 3129/QNG-QLDN1 ngày 21/11/2025 do Thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành hướng dẫn phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ tính thuế.
- **Kể từ ngày Luật thuế GTGT số Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, không có quy định cuối năm cơ sở kinh doanh thực hiện tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm để kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã tạm phân bổ khấu trừ theo tháng.**

10 Mẫu tờ khai liên quan đến thực hiện nghị quyết số 98/2023/QH15 về việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành Phố

Công văn số 5615/CT-CS ngày 28/11/2025 do Bộ tài chính ban hành về mẫu tờ khai liên quan đến thực hiện nghị quyết số 98/2023/QH15 về việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành Phố:

1. Về kê khai thuế TNDN:

- Căn cứ theo nghị quyết số 98/2023/QH15 thì thực hiện kê khai thuế TNDN theo mẫu 03/TNDN đã có chi tiêu [C2] kê khai theo số thuế "Thu nhập miễn thuế...", ứng dụng kê khai hiện tại đã hỗ trợ chọn loại thu nhập được miễn thuế (theo danh mục), tuy nhiên Loại thu nhập được miễn thuế đối với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp là trường hợp đặc thù nên chưa có trong danh mục. Theo đó, Cục Thuế sẽ cập nhật loại "Thu nhập được miễn thuế theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 vào danh mục "Thu nhập miễn thuế ..." để NNT thuận tiện trong việc kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

10 Mẫu tờ khai liên quan đến thực hiện nghị quyết số 98/2023/QH15 về việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành Phố

2. Về kê khai thuế TNCN:

- Hiện nay, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thì thực hiện kê khai thuế theo mẫu biểu tờ khai được ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.
- Tuy nhiên, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc Hội quy định cá nhân được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được ban hành sau Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Vì vậy hiện nay trên tờ khai chuyển nhượng vốn không có chỉ tiêu để khai thuế thu nhập cá nhân được miễn thuế.
- Cục Thuế ghi nhận vướng mắc của Thuế thành phố Hồ Chí Minh và sẽ bổ sung chỉ tiêu này khi xây dựng Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (sửa đổi) khi Luật Quản lý thuế được thông qua vào tháng 12/2025.

11 Hướng dẫn thủ tục hải quan

Công văn số 37951/CHQ-GSQL ngày 24/11/2025 do Cục Hải Quan ban hành về hướng dẫn thủ tục hải quan:

Trường hợp máy móc của Công ty thuộc trường hợp thuê, mượn có thời hạn và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao hàng cho Công ty khác tại Việt Nam khi hết thời hạn bằng hợp đồng thuê mượn mới thì thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định tại Điều 47a Luật số 90/2025/QH15; Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

12 Trả lãi tiền vay cho cổ đông

Công văn số 1539/VLO-QLDN3 ngày 02/12/2025 do Thuế tỉnh Vĩnh Long ban hành về trả lãi tiền vay cho cổ đông:

Công ty vướng mắc về chính sách thuế khi Công ty ký hợp đồng vay tiền của cổ đông là cá nhân với mức lãi suất 0% để thực hiện giải chấp tài sản tại ngân hàng. Thuế tỉnh Vĩnh Long trả lời theo nguyên tắc sau:

- Công ty vay tiền của cổ đông nếu cổ đông là cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ với số tiền vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế thì được xác định có quan hệ liên kết. Khi đó giao dịch vay tiền với mức lãi suất 0% giữa Công ty và cổ đông là giao dịch liên kết theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ. Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty có giao dịch liên kết được quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ.

- Trường hợp Công ty vay tiền của cổ đông là cá nhân với lãi suất 0% thì hoạt động cho vay không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường thuộc diện ấn định thuế theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Cổ đông là cá nhân phát sinh thu nhập từ đầu tư vốn theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 111/2013/TT- BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo Biểu thuế toàn phần với mức thuế suất là 5%.

13 Hướng dẫn chính sách thuế

Công văn số 3525/QNG-QLDN1 ngày 10/12/2025 do Thuế Tỉnh Quảng Ngãi ban hành về việc hướng dẫn chính sách thuế:

1. Về nội dung liên quan đến kê khai hóa đơn điều chỉnh hóa đơn đầu vào:

- Đối với hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập sai thì Doanh Nghiệp căn cứ hướng dẫn về kê khai hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế được quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP và nguyên tắc khai bổ sung hồ sơ khai thuế được quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 để thực hiện.
- Trường hợp Doanh Nghiệp phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì Doanh Nghiệp căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 6 Điều 23 Nghị Định số 181/2025/NĐ-CP và khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 để thực hiện.

2. Về nội dung kê khai thuế TNCN đối với hoạt động bốc thăm trúng thưởng:

- Trường hợp Doanh Nghiệp có tổ chức chương trình trò chơi trúng thưởng mang tính chất may mắn, khoản trúng thưởng bằng hiện vật người lao động nhận được do tham gia chương trình này là thu nhập chịu thuế TNCN từ trúng thưởng theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà người lao động nhận được theo từng lần trúng thưởng là thu nhập tính thuế TNCN. Doanh Nghiệp có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN từ trúng thưởng (Thuế suất 10% * thu nhập chịu thuế) trước khi trả thưởng cho cá nhân trúng thưởng và kê khai thuế TNCN theo mẫu 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Trường hợp người lao động nhận được các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản lợi ích khác mà mang tính chất là thu nhập từ tiền lương, tiền công thì Doanh Nghiệp căn cứ quy định tính thuế TNCN từ tiền lương, tiền công để thực hiện.

14 Thu thuế đối với bán tài sản bảo đảm tiền vay

Công văn số 6307/CT-CS ngày 26/12/2025 do Cục Thuế ban hành về thu thuế đối với bán tài sản bảo đảm tiền vay:

- Căn cứ theo quy định tại Điều 200 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 thì việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
- Theo quy định Pháp luật thuế TNDN thì trường hợp Công ty có tài sản bảo đảm tiền vay là các xe ô tô khi Cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản để xử lý nợ xấu thì thu nhập từ chuyển nhượng tài sản được xác định theo hướng dẫn khoản tại 6 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT- BTC.

15 Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn

Nghị định số 310/2025/NĐ-CP ngày 02/12/2025 do Chính Phủ ban hành sửa đổi bổ sung Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm thuế, hóa đơn:

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16/01/2026.

Nghị định này điều chỉnh các quy định liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn, áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về thuế và hóa đơn.

1. Quy định chung:

- Làm rõ định nghĩa vi phạm hành chính về thuế, bao gồm các khoản thu ngân sách như tiền thuê đất, khai thác khoáng sản, lợi nhuận sau thuế...
- Quy định cụ thể trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...) để miễn trừ trách nhiệm.
- Thời hiệu xử phạt:
 - + 2 năm đối với thủ tục thuế.
 - + 5 năm đối với hành vi trốn thuế.
 - + Không xử phạt nếu người nộp thuế tự giác khai bổ sung trước khi thanh tra.

15 Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn

2. Xử phạt vi phạm về hóa đơn:

- Phạt 20–50 triệu cho hành vi mua bán hóa đơn trái phép.
 - + Vi phạm quy mô lớn: từ 10 hóa đơn trở lên bị phạt nặng hơn.
 - + Vi phạm nhiều lần: áp dụng mức phạt cho hành vi nặng nhất.
- Phạt 4–8 triệu nếu vi phạm quy định về tiêu hủy hóa đơn.
- Phạt hành vi LẬP HÓA ĐƠN sai thời điểm: Tùy số lượng hóa đơn vi phạm: mức phạt tăng theo bậc (từ 500.000 → 70 triệu).
- Phạt hành vi KHÔNG LẬP HÓA ĐƠN: Tùy số lượng hóa đơn không lập: phạt từ 1 triệu đến 60 triệu.

3. Xử phạt vi phạm về thuế:

- Phạt 15–25 triệu nếu chậm nộp hồ sơ khai thuế trên 90 ngày.
- Phạt 20% số tiền thuế khai thiếu.
- Phạt 1–3 lần số thuế trốn/lậu.
- Tổ chức liên quan cung cấp thông tin sai/không cung cấp theo yêu cầu sẽ bị phạt 6–16 triệu.

4. Mở rộng thẩm quyền xử phạt:

Mở rộng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn tại Điều 33 Nghị định 125/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định 310/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Công chức thuế.
- Trưởng thuế cơ sở.
- Chi cục trưởng.
- Cục trưởng Cục Thuế.
- Chủ tịch UBND cấp xã.

16 Xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, chi phí, thuế GTGT dưới 5 triệu đồng dùng tiền mặt

Công văn số 3322/TNI-QLDN2 ngày 03/12/2025 do Thuế tỉnh Tây Ninh ban hành về việc xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, chi phí, thuế GTGT dưới 5 triệu đồng dùng tiền mặt:

- Trường hợp Công ty áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng theo quy định của pháp luật thì nội dung trên hóa đơn thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
- Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh.
- Về khấu trừ thuế GTGT, Công ty căn cứ quy định tại Điều 14 Luật số 48/2024/QH15 và Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP để xác định.
- Về xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN, Công ty căn cứ quy định tại Điều 9 Luật số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

17 Thông báo tạm thời chưa thực hiện công văn số 8073/DON-QLDN1 ngày 11/12/2025 về việc xuất hóa đơn đối với nghiệp vụ bán ngoại tệ cho ngân hàng

Công văn số 8422/DON-QLDN1 ngày 16/12/2025 do Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành thông báo tạm thời chưa thực hiện công văn số 8073/DON-QLDN1 ngày 11/12/2025 về việc xuất hóa đơn đối với nghiệp vụ bán ngoại tệ cho ngân hàng:

- Ngày 11/12/2025, thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Công văn số 8073/DON-QLDN1 giải đáp vướng mắc cho Công ty. Tuy nhiên, nếu thực hiện theo Công văn số 8073/DON-QLDN1 thì sẽ phát sinh một số một số khó khăn, vướng mắc cho người nộp thuế. Do đó, thuế tỉnh Đồng Nai đã báo cáo Cục Thuế xin ý kiến chỉ đạo xử lý vướng mắc này.
- Trong thời gian xin ý kiến chỉ đạo từ Cục Thuế, Công ty tạm thời chưa thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 8073/DON-QLDN1 ngày 11/12/2025 của Thuế tỉnh Đồng Nai. Khi có văn bản hướng dẫn, Thuế tỉnh Đồng Nai sẽ thông tin đến doanh nghiệp biết và thực hiện theo quy định.

18 Điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2026

Luật Việc làm năm 2025 (Luật số 74/2025/QH15) ngày 16/6/2025 do Quốc hội thông qua quy định nhiều nội dung mới, trong đó có điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp, áp dụng từ ngày 01/01/2026:

Theo quy định tại Điều 33 Luật Việc làm 2025, việc đóng bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện như sau:

1. Mức đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp:

- a) Người lao động đóng tối đa bằng 1% tiền lương tháng.
- b) Người sử dụng lao động đóng tối đa bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
- c) Nhà nước hỗ trợ tối đa bằng 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp; nguồn kinh phí do ngân sách trung ương bảo đảm.

(Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 57 Luật Việc làm 2013: người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng; người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương tháng; Nhà nước hỗ trợ tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.)

18 Điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2026

2. Phương thức đóng:

- Hằng tháng, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức quy định tại điểm b khoản 1 nêu trên, đồng thời trích tiền lương của từng người lao động theo mức quy định tại điểm a khoản 1 để đóng cùng một lần vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Việc làm 2025, hưởng lương theo sản phẩm hoặc theo khoán tại doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, người sử dụng lao động đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội và thực hiện đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chu kỳ hằng tháng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần. Thời hạn đóng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng liền kề sau chu kỳ đóng.

3. Thời điểm đóng:

- Thời điểm đóng bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động và người lao động là thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

18 Điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2026

4. Trường hợp không phải đóng:

- Người lao động không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không phải đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng đó.

5. Trách nhiệm của người sử dụng lao động:

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đầy đủ bảo hiểm thất nghiệp. Việc xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

6. Giảm mức đóng đối với người lao động là người khuyết tật

- Người sử dụng lao động được giảm tiền đóng bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của mình đối với người lao động là người khuyết tật, trong thời gian không quá 12 tháng, kể từ khi tuyển mới và sử dụng người lao động là người khuyết tật.

18 Điểm mới về mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2026

7. Đóng bảo hiểm thất nghiệp khi chấm dứt hợp đồng:

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc chấm dứt việc làm, nhằm kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Trường hợp người sử dụng lao động không đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp, thì phải chi trả khoản tiền tương ứng với các chế độ bảo hiểm thất nghiệp mà người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của Nhà nước:

- Nhà nước thực hiện việc chuyển kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Chính phủ quy định chi tiết các khoản (1), (6), (7) và (8) nêu trên.
- Luật Việc làm 2025 có hiệu lực thi hành **từ ngày 01/01/2026** và **thay thế Luật Việc làm 2013.**

19 Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử

Nghị định số 337/2025/NĐ-CP ngày 24/12/2025 do Chính phủ ban hành về giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử:

1. Liên quan đến quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử:

- Nghị định 337/2025/NĐ-CP quy định rõ hợp đồng lao động điện tử là hợp đồng được giao kết và thực hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng lao động bằng văn bản giấy.
- Việc giao kết hợp đồng lao động điện tử phải tuân thủ pháp luật về lao động, pháp luật về giao dịch điện tử, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của Nghị định.
- Hợp đồng lao động điện tử được gửi đến người lao động và người sử dụng lao động dưới hình thức thông điệp dữ liệu qua phương tiện điện tử phù hợp theo thỏa thuận.
- Nhà nước khuyến khích sử dụng hợp đồng lao động điện tử thay thế hợp đồng giấy trong quản trị nhân sự và các thủ tục hành chính liên quan.

19 Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử

2. Liên quan đến điều kiện, xây dựng và sử dụng nền tảng hợp đồng lao động điện tử:

- Nghị định quy định việc xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác và sử dụng Nền tảng hợp đồng lao động điện tử, do Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Nền tảng này kết nối dữ liệu từ trung ương đến địa phương, đảm bảo khai thác thống nhất phục vụ giao dịch, lưu trữ và tra cứu hợp đồng lao động điện tử.
- Các bộ, cơ quan liên quan phải phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa nền tảng và các cơ sở dữ liệu quốc gia; đồng thời rà soát, điều chỉnh thủ tục hành chính phục vụ sử dụng hợp đồng lao động điện tử.

3. Liên quan đến hiệu lực và áp dụng:

- Nghị định 337/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.
- Chậm nhất đến ngày 01/07/2026, Nền tảng hợp đồng lao động điện tử phải được chính thức đưa vào vận hành; kể từ thời điểm này, việc giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử được thực hiện theo quy định của Nghị định.

Viết tắt

GTGT	Giá trị gia tăng	BTC	Bộ Tài Chính
TNCN	Thu nhập cá nhân	CT	Cục Thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	BCT	Bộ Công Thương
TNT	Thuế nhà thầu	BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
LĐ	Lao động	KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
XNK	Xuất nhập khẩu	NHNNVN	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
HĐ	Hóa đơn	DNCX	Doanh nghiệp Chế xuất
CV	Công văn	KCX	Khu Chế xuất
Khác	Khác	KCN	Khu Công nghiệp



Tháng 12/ 2025
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn

Bản tin KMC nhằm cập nhật và tóm tắt những quy định chung liên quan đến Thuế, Kế toán, Đầu tư và Lao động ở Việt Nam. Quý vị nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi đưa ra quyết định.





Thông tin liên hệ.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

VĂN PHÒNG TẠI HỒ CHÍ MINH

Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84 8 3820 5731/ 2 | Fax: +84 8 3820 0906

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Tầng 19, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 81 489 4789

VĂN PHÒNG TẠI TOKYO

Corporate Advisers Inc

Japan Tokyo-to Chiyoda-ku, Kasumigaseki 3-2-5 Kasumigaseki Building 33F

Tel: +81 3 3593 3238 | Fax: +81 3 3593 3248



URL: www.kmc.vn

Email: info@kmc.vn

Hotline in English: +84 81 489 4789

Hotline in Japanese: +84 91 988 9331

